TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ - TP HÀ NỘI** *** * * ***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 23/8/2019.
V/v: Tranh chấp HN&GĐ:

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tưởng Ngọc Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Ngọc Quý**
2. Ông **Nguyễn Hữu Trọng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Tô Mạnh Hà**, thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Ly** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/8/2019 tại Trụ sở TAND huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2098 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Ngô T, sinh năm 1995. Đăng ký HKTT và cư trú tại: Thôn T, xã P, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Hà Thị S, sinh năm 1994. Đăng ký HKTT và hiện cư trú tại: Thôn T, xã P, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin và các bản tự khai của anh Phạm Ngô T trình bày:

Anh có đăng ký kết hôn với Hà Thị S, sinh năm 1994 tại UBND xã, huyện Chương Mỹ, Tp Hà Nội ngày 05/5/2014, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân quan điểm sống, lối sống luôn bất đồng. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Phạm Ngô B, sinh ngày 20/11/2014. Nếu ly hôn anh xin được nuôi cháu B và không yêu cầu đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hà Thị S trình bày: Chị có đăng ký kết hôn với anh Phạm Ngô T, sinh năm 1994 tại UBND xã P vào ngày 05/5/2014 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì chị S về ở cùng nhà với anh T và bố mẹ đẻ anh T tại xã P. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì lớn. Chỉ do anh T thường không quan tâm đến chị S. Anh T làm nghề lái xe taxi ở ngoài Hà Nội và thường vắng nhà. Trước tháng 2/2019 thì anh Thành thuê nhà trọ cùng em trai và thỉnh thoảng về nhà. Từ tháng 2/2019 trở lại đây thì anh T thuê nhà trọ ở ngoài Hà Nội để ở riêng và rất ít khi về nhà, chỉ thỉnh thoảng về thăm con rồi lại đi, không ngủ lại ở nhà. Anh chị cũng ly thân mấy tháng nay không quan tâm đến nhau. Nay anh T xin ly hôn chị không nhất trí.

Về con chung: Có 1 con chung là: Phạm Ngô B, sinh ngày 20/11/2014 đang ở cùng với chị S. Trường hợp ly hôn chị S đề nghị được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay anh T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị S và xin được nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự, tạo điều kiện cho các bên được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T vì anh T với chị S mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh T đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Ngày 13/8/2019 Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất chị S vắng mặt không có lý do, nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều

227 BLTTDS, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa anh T và chị S trên cơ sở có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban được nhau, vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống. Gia đình cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh T và chị S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T có đơn đề nghị ly hôn với chị S là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung là cháu Phạm Ngô B, sinh ngày 20/11/2014, hiện đang ở cùng chị S; khi ly hôn anh T, chị S đều xin được nuôi cháu B, xét yêu cầu của anh T và chị S đều hợp lý, tuy nhiên cháu B vẫn còn nhỏ nên cần phải có sự chăm sóc của người mẹ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu B cho chị S tiếp tục chăm sóc nuôi cho đến khi trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có yêu cầu khác. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[4.] Về tài sản chung: Anh T, chị S đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử thì anh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Anh Phạm Ngô T được ly hôn chị Hà Thị S.

Về con chung: Giao cháu Phạm Ngô B, sinh ngày 20/11/2014 cho chị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc đến khi có yêu cầu

khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có thay đổi khác. Anh T có quyền thăm non con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Ngô T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004119 ngày 27/6/2019 của Chi cục thi hành án huyện Chương Mỹ.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự báo anh T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Tưởng Ngọc Tuấn

Nơi nhận:
-TAND thành phố Hà Nội;
-VKSND huyện Chương Mỹ;
-Chi cục THA huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Phú Nam An, huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
-Lưu HS.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**

Tưởng Ngọc Tuấn